

Bản án số: 163/2023/DS-PT
Ngày: 08 - 12 - 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
hợp tác”.

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thanh Ngân.
Ông Hồ Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quang Đại - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng
- Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 182/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Mai Văn V

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, (có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Vào khoảng tháng 10/2021, ông có hợp tác làm ăn với ông Mai Văn V. Ông có máy trục còn ông V biết lái máy trục, hai bên thỏa thuận cùng đi nhận đất trục thuê, sau khi trừ các chi phí thì tiền lời chia đôi. Tiền xăng, dầu, nhớt ông V trực tiếp trả cho cây xăng khoảng 7.000.000đồng nhưng ông là người trực tiếp mua nguyên liệu. Ở cánh đồng Xẻo Giá ông thuê người khác làm nên ông tự thu số tiền 3.000.000đồng, phần này không liên quan đến tiền công của

ông V. Đối với cánh đồng Vĩnh C (ở ấp A, xã V) là do ông V trực tiếp thu. Ông không biết ông V đã thu của người dân bao nhiêu nhưng ông căn cứ vào số tiền mua nguyên liệu theo hóa đơn và công suất tiêu thụ của máy để tính ra số tiền lời. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Văn V chia lợi nhuận cho ông số tiền 7.500.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Mai Văn V do bà Huỳnh Thị H đại diện trình bày ý kiến: Khoảng tháng 3, tháng 4 và tháng 9, tháng 10 năm 2021, ông V1 có máy trục, ông L cũng có máy trục. Giữa ông V và ông L có hợp tác làm ăn, ông V và ông L thỏa thuận ông V và ông L cùng đi nhận đất của nông dân, ông V là người trực tiếp lái máy trục, sau khi trừ các chi phí (bao gồm: xăng, dầu, nhớt, máy móc hư) phần lời còn lại thì chia đôi.

Khi ông V đi nhận đất của người dân để trực thuê thì ông L có đi theo, việc thu tiền trực đất của người dân là do ông L và ông V cùng thu. Ông V thu tiền phần đất trực của người dân ở V (ở ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang). Ông V không nhớ tên người dân đã thuê ông V trực đất, cũng không nhớ diện tích đất mà thực tế ông V đã nhận trực, không nhớ số tiền đã thu là bao nhiêu vì không có làm biên nhận, không có ghi sổ theo dõi. Ông V đã thu số tiền 6.000.000đồng tiền trực đất của người dân, nhưng đã trả tiền mua nguyên liệu 5.800.000đồng, chỉ còn tiền lời 200.000đồng. Tổng số tiền mua nguyên liệu gồm: xăng, dầu, nhớt mua tại cây xăng H2 và cây xăng H3 khoảng 7.000.000đồng, ông V1 đã trả hết, không có nợ cây xăng. Đối với cánh đồng ở Kênh Xẻo G (địa chỉ ở xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang), ông V là người trực tiếp đi trực, ông L là người trực tiếp thu tiền của người dân nhưng ông L không có chia cho ông V số tiền nào. Ông V có quan hệ hợp tác làm ăn với ông L, không phải là người làm thuê cho ông L. Việc hợp tác làm ăn sau khi trừ các chi phí là không có lời. Đối với số tiền ông L tự thu ở X không rõ số tiền là bao nhiêu ông V không rõ và cũng không có yêu cầu phản tố. Ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về yêu cầu buộc bị đơn ông Mai Văn V chia tiền lợi nhuận với số tiền 7.500.000đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn không thống nhất với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy các bên có quan hệ hợp đồng hợp tác làm ăn với nhau và phát sinh tranh chấp về việc phân chia lợi nhuận. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Xét về trình tự, thủ tục tố tụng cấp sơ thẩm thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy hồ sơ vụ án không có biên bản hòa giải. Căn cứ vào Điều 10 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải”, việc hòa giải phải được lập thành biên bản theo quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, đây là thủ tục bắt buộc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện là vi phạm thủ tục. Tuy nhiên, qua biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thấy rằng các đương sự đã được thể hiện các ý kiến, nguyện vọng đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng không thống nhất ý kiến với nhau. Vì vậy, nếu có tiến hành hòa giải thì các đương sự cũng không thỏa thuận được nên không cần thiết phải hủy án để chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm thực hiện nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông L và ông V hợp tác làm ăn với nhau, công việc là trực đất tại địa bàn các xã của huyện V vào năm 2021. Việc thỏa thuận hợp tác làm ăn chỉ thỏa thuận bằng miệng nhưng được hai bên thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, ông L và ông V đều không có sổ sách ghi chép rõ ràng các nội dung cần thiết như diện tích đất nhận trực của người dân, số tiền thu được, ai là người trực đất và ai là người thu tiền, các chi phí phát sinh và lợi nhuận thu được.

Ông L cho rằng ông căn cứ vào số lượng nhiên liệu 420 lít dầu mua của 02 cây xăng H2 và cây xăng H3 để làm căn cứ tính ra lợi nhuận. Xét thấy ông L và ông V cùng chạy hai máy, máy của ông L thuê ông H1 và ông Đ chạy, còn máy của ông V do ông V tự chạy. Cả ông V và ông L thừa nhận địa bàn Xẻo Giá ở V do ông L thu tiền. Căn cứ vào lời khai của ông Đ là người làm thuê cho ông L (BL số 33) cho rằng, khi ông được ông L thuê chạy ở Xẻo Giá thì ông V và ông L đưa dầu cho ông Đ chạy, chạy hết Xẻo Giá thì ông Đ về Vịnh Chèo chạy tiếp cánh đồng của ông V. Như vậy, trong số lít dầu ông L và ông V đã mua tại hai cây xăng H2 và Huỳnh P, tiền mua dầu ông L và ông V thừa nhận tại các văn bản có trong hồ sơ là do ông V trả đủ nhưng được chạy cho cả hai máy chứ không phải riêng một máy của ông V. Hơn nữa, theo hóa đơn mua dầu tại 02 cây xăng H và Hồng T thể hiện ông L mua tại cây xăng H2 10 can dầu, ông V mua tại cây xăng H3 là 03 can

dầu, tổng cộng 13 can dầu, mỗi can 30 lít tương ứng 390 lít, còn 01 can ông L mua riêng. Từ đó ông L dựa vào số lượng dầu mua 420 lít và xác định ông V là người sử dụng toàn bộ số dầu để tính lợi nhuận từ ông V là chưa phù hợp. Bên cạnh đó, ông L không có gì chứng minh việc sử dụng nhiên liệu 01 lít dầu cho 01 công đất trong khi việc khấu hao nhiên liệu phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: máy móc, loại đất, thời tiết,... Mặt khác, cùng sử dụng số dầu do ông V trả tiền, cùng thực hiện việc trục đất chung vụ mùa nhưng ông L lại cho rằng ở cánh đồng Xẻo Giá là ông L làm riêng không liên quan đến ông V cũng là không đúng.

Mặc dù ông L có cung cấp cho Tòa án các bản xác nhận một số hộ dân có thuê mướn việc trục đất nhưng trong các xác nhận tuy có thể hiện trục đất ở V và Vĩnh Thuận Đ1 nhưng không thể hiện thời gian trục đất để xác định có phải là trong khoảng thời gian hai bên hợp tác làm ăn với nhau hay không, nhiều xác nhận không để giao tiền cho ai trong khi có xác nhận để do ông L, có xác nhận để ông V và có xác nhận để cả ông L và ông V cùng là người trục đất. Tại phiên tòa, ông V không thừa nhận một mình ông V đã nhận hết tiền trục đất của những hộ dân trên mà cho rằng ông L cũng có đi nhận tiền của các hộ dân và xác nhận của những hộ dân cho ông L không chính xác vì ông L không kêu ông V cùng đi xác nhận. Về phía ông L cũng thừa nhận nếu có ông V cùng đi theo thì sợ người dân sẽ không xác nhận cho ông. Như vậy, việc xác nhận trên là không khách quan.

Từ các phân tích trên cho thấy các căn cứ ông L đưa ra làm cơ sở xác định lợi nhuận là không phù hợp, ông L không có gì chứng minh khoản lợi nhuận thu được từ ông V. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia lợi nhuận trong hợp tác làm ăn theo quy định tại các Điều 504, Điều 507 Bộ luật dân sự là có căn cứ.

[3] Xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116; Điều 504, Điều 505, Điều 507 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về yêu cầu buộc bị đơn ông Mai Văn V trả số tiền lợi nhuận 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L phải nộp số tiền 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002951 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Ông L còn phải nộp thêm số tiền 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003383 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Ông L đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08 tháng 12 năm 2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thọ